

## ĐỀ ÁN

### **Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang**

#### **I. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý**

##### **1. Sự cần thiết ban hành Đề án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang**

An Giang là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 3.536 km<sup>2</sup>, bằng 1,07% diện tích đất của cả nước, đứng hàng thứ tư trong khu vực. Hiện có 11 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu và 8 huyện An Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân, Thoại Sơn và 156 xã, phường, thị trấn (119 xã, 21 phường, 16 thị trấn).

An Giang có đường biên giới chung với Campuchia dài gần 100km với 03 cửa khẩu được phép thông quan hàng hoá là Tịnh Biên, Khánh Bình và Vĩnh Xương. Với lợi thế cửa ngõ và trung tâm giao thương với các nước ASEAN, điều kiện thuận lợi trong quan hệ giao thương cả đường thủy và đường bộ với nước bạn Campuchia, từ năm 2001 An Giang đã xác định phát triển kinh tế cửa khẩu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

Qua khảo sát thực tế hiện nay, một số tỉnh như: Long An, Bình Phước, Tây Ninh, Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum, Cao Bằng, v.v đã áp dụng thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu đạt kết quả cao, tạo nguồn thu tương đối lớn cho tỉnh và được để lại 100% cho ngân sách tỉnh để duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp và xây dựng mới các hạng mục công trình tại các khu vực cửa khẩu.

Đối với tỉnh An Giang, từ thực tế nêu trên việc tổ chức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang là cần thiết nhằm tạo nguồn thu ngân sách tỉnh và bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trên địa bàn tỉnh An Giang. Do đó, việc thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh An Giang là phù hợp với quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 quy định: “*Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu là khoản thu đối với các đối tượng sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu để bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu. Căn cứ điều kiện cụ*

*thể của địa phương, mức độ bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu để quy định mức thu phí phù hợp”.*

Thời gian qua, nguồn vốn thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các khu vực cửa khẩu trên hàng trăm tỷ đồng, song nhằm bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới là rất lớn nhưng do nguồn thu ngân sách hạn hẹp nên chỉ đáp ứng được một phần.

Mặt khác, theo nhận định của Ban Quản lý Khu kinh tế về tình hình thu hút đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu chủ yếu do: chính sách ưu đãi đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu chủ yếu ưu đãi về thuế, về miễn giảm tiền thuê đất, v.v. Trong thời gian qua đa phần là các dự án đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu chủ yếu ở các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, còn các dự án về sản xuất thì ít.

Bên cạnh đó, cầu Long Bình chính thức đưa vào sử dụng ngày 01 tháng 8 năm 2017 sẽ là tuyến đường bộ ngắn nhất nối thủ đô Phnom Pênh, Campuchia tới biên giới Việt Nam với chiều dài khoảng 70 km, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, thương mại. Từ đó khẳng định việc thu phí qua lại cửa khẩu chỉ là khoản thu không đáng kể, chỉ nhằm để duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ tái tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội và không ảnh hưởng hoạt động xúc tiến đầu tư.

## **2. Cơ sở pháp lý**

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

- Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số 1944/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

- Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền;

- Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Ban Quản lý cửa khẩu Vĩnh Xương;

- Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Ban Quản lý cửa khẩu Tịnh Biên;

- Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Ban Quản lý cửa khẩu Khánh Bình;

- Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

## **II. Phương án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang**

Điểm b, Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 quy định: *“Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu là khoản thu đối với các đối tượng sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu để bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu. Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, mức độ bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu để quy định mức thu phí phù hợp. Khi xây dựng mức thu phí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần tham khảo mức thu của các địa phương có cửa khẩu biên giới đất liền hoặc cửa khẩu cảng biển trong khu vực”*.

Kết quả tham khảo mức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào tại các cửa khẩu biên giới đất liền khác có tính tương đồng hiện nay đang áp dụng như: Khu vực cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp; Cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát (tỉnh Tây Ninh); Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y (tỉnh Kon Tum); Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo, Cửa khẩu Quốc tế La Lay (tỉnh Quảng Trị); Cửa khẩu tỉnh Lạng Sơn; Cửa khẩu tỉnh Quảng Ninh; Cửa khẩu tỉnh Lai Châu; Cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư (tỉnh Bình Phước); Cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp (tỉnh Long An).

Mặt khác qua trao đổi ý kiến với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp và Ban Quản lý cửa khẩu Hà Tiên - Giang Thành thống nhất mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang (tại văn bản số 902/KKT-ĐTQH XD ngày 17 tháng 12 năm 2019 và số 02/BQLCKHT-GT ngày 20 tháng 12 năm 2019).

(Đính kèm Phụ lục thực tiễn thu phí tại một số cửa khẩu đường bộ trong nước hiện nay; Biểu so sánh mức thu và đề xuất mức thu)

### **1. Tên gọi**

Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang.

## **2. Phạm vi áp dụng**

Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang (thu đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu).

## **3. Đối tượng nộp phí**

### **3.1. Đối tượng nộp phí**

Chủ sở hữu hoặc người điều khiển phương tiện ra, vào cửa khẩu thuộc khu kinh tế cửa khẩu An Giang.

### **3.2. Đối tượng miễn nộp phí**

- Xe 02 bánh.
- Xe cứu thương.
- Xe chữa cháy.
- Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ.
- Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng.
- Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân.
- Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hoạt động trong khu vực cửa khẩu đã nộp tiền sử dụng hạ tầng Khu thương mại - dịch vụ các cửa khẩu có các phương tiện vận chuyển hàng hóa bằng ô tô thuộc chủ sở hữu của các đơn vị này khi xuất, nhập khẩu ra, vào khu vực cửa khẩu.

## **4. Tổ chức thu phí**

Giao cho Ban Quản lý cửa khẩu: Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Khánh Bình tổ chức thu phí.

## **5. Phương thức cung cấp dịch vụ, thu phí**

5.1. Người nộp phí là các tổ chức, cá nhân có sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang sẽ nộp phí theo qui định.

5.2. Cơ quan tổ chức thu phí có trách nhiệm lập, giao biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; niêm yết công khai mức thu phí tại địa điểm thu phí theo đúng quy định thực hiện.

## **6. Phương án thu phí**

### **6.1. Căn cứ xây dựng mức thu phí**

Căn cứ mức thu quy định tại Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 và tham khảo biểu thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối

với phương tiện ra, vào cửa khẩu tại các tỉnh Đồng Tháp, Kon Tum, Quảng Ninh, Cao Bằng, Tây Ninh và Bình Phước; Ban Quản lý Khu kinh tế đề xuất như sau:

Do mức thu phí quy định tại Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải là mức thu tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh còn mức thu đối với phương tiện đường bộ qua lại cửa khẩu chỉ nhằm mục đích phục vụ chi trả chi phí hoạt động cho bộ phận thu phí và duy tu, sửa chữa công trình hàng năm nên **Ban Quản lý Khu kinh tế đề xuất mức thu đối với phương tiện đường bộ là 58% mức thu tối đa theo quy định tại Thông tư 35/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải.**

Dự kiến biểu mức phí đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu thuộc khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang như sau:

*ĐVT: đồng/ phương tiện/ lượt ra, vào*

<b>TT</b>	<b>Phương tiện chịu phí</b>	<b>Mức thu phí</b>
<b>I</b>	<b>Xe khách thông thường</b>	
1	Xe dưới 12 ghế ngồi	30.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi	40.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên	50.000
<b>II</b>	<b>Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan, hàng hóa quá cảnh</b>	
1	Xe tải có tải trọng dưới 2 tấn	30.000
2	Xe tải có trọng tải từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	40.000
3	Xe tải có trọng tải từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	50.000
4	Xe tải có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 feet	80.000
5	Xe tải có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 feet	115.000

*(Chi tiết tại Phụ lục 01)*

## 6.2. Dự kiến số thu

Từ biểu thu phí đề xuất trên, mức thu phí bình quân của từng loại phương tiện như sau:

a) Mức thu phí xe khách bình quân:

$$(30.000 + 40.000 + 50.000) : 3 = 40.000 \text{ đồng/phương tiện}$$

b) Mức thu phí xe có tải, xe container bình quân:

$$(30.000 + 40.000 + 50.000 + 80.000 + 115.000) : 5 = 63.000 \text{ đồng/phương tiện}$$

Trên cơ sở số lượng phương tiện qua lại thực tế của 03 cửa khẩu: Tịnh Biên, Khánh Bình và Vĩnh Xương qua các năm 2019, 2020, 2021 (Chi tiết tại Phụ lục 02) và biểu mức phí nêu trên, dự kiến tổng số thu của một năm như sau:

Loại phương tiện	Lưu lượng phương tiện	Mức phí (đồng/ phương tiện)	Tổng số thu (đồng)
Xe khách	1.638	40.000	65.520.000
Xe tải, xe container	27.057	63.000	1.704.591.000
<b>TỔNG THU PHÍ TRONG NĂM (đồng)</b>			<b>1.770.111.000</b>

### 6.3. Dự kiến các khoản chi phí phục vụ cho công tác thu phí

a) Chi lương, các khoản phụ cấp theo lương cho bộ phận thu phí và các khoản chi dịch vụ

- Căn cứ Khoản 2, Điều 14 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 quy định: “... số lượng nhân viên hợp đồng của Văn phòng Ban quản lý cửa khẩu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.”; Ban Quản lý Khu kinh tế sẽ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí số lượng nhân viên đảm bảo để thực hiện công tác thu phí làm việc tại mỗi cửa khẩu ngoài 04 biên chế được giao làm việc tại mỗi Ban Quản lý cửa khẩu theo quy định pháp luật.

- Các khoản chi dịch vụ bao gồm: văn phòng phẩm, điện, nước, công tác phí, sửa chữa thiết bị, v.v.

Cụ thể, tổng các khoản chi lương, phụ cấp theo lương cho bộ phận thu phí và các khoản chi dịch vụ của *mỗi cửa khẩu* như sau:

TT	Nội dung chi phí	Diễn giải	Thành tiền (đồng/năm)
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>		<b>206.685.648</b>
1	Chi phí lương cho nhân viên thu phí (02 người cửa vào+ 02 người cửa ra)	2,34 x 1.490.000 đồng x 04 người x12 tháng	167.356.800
2	Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, BTTN)	2,34 x 1.490.000 đồng x 04 người x12 tháng x 23,5%	39.328.848
<b>II</b>	<b>Chi phí dịch vụ</b>		<b>95.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>		<b>6.000.000</b>
	Công cụ, dụng cụ văn phòng	500.000 đồng x 12 tháng	6.000.000
<b>2</b>	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>		<b>42.000.000</b>
	Điện	2.000.000 đồng x12 tháng	24.000.000
	Nước	1.000.000 đồng x12 tháng	12.000.000
	Vệ sinh bảo vệ môi trường	500.000 đồng x 12 tháng	6.000.000
<b>3</b>	<b>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</b>		<b>15.600.000</b>

	Điện thoại trong nước	500.000 đồng x12 tháng	6.000.000
	Cước phí bưu chính	100.000 đồng x 12 tháng	1.200.000
	Fax	100.000 đồng x 12 tháng	1.200.000
	Sách, báo, tạp chí thư viện	100.000 đồng x 12 tháng	1.200.000
	Cước phí Internet, thư viện điện tử	500.000 đồng x 12 tháng	6.000.000
<b>4</b>	<b>Công tác phí</b>		<b>18.000.000</b>
	Tiền tàu xe	1.000.000 đồng x 12 tháng	12.000.000
	Phụ cấp công tác phí	500.000 đồng x 12 tháng	6.000.000
<b>5</b>	<b>Sửa chữa thường xuyên</b>		<b>5.000.000</b>
	Thiết bị tin học	Dự kiến	3.000.000
	Máy photocopy	Dự kiến	2.000.000
<b>6</b>	<b>Chi phí nghiệp vụ chuyên môn</b>		<b>8.400.000</b>
	Tờ khai thu phí	500.000 đồng x12 tháng	6.000.000
	Biên lai thu phí	200.000 đồng x 12 tháng	2.400.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>301.685.648</b>

b) Chi phí duy tu, sửa chữa

Căn cứ Thông tư 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật có định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí thực hiện các công việc bảo trì hàng năm là  $0,18 \div 0,25$ . Các công trình Trạm Kiểm soát liên hợp tại cửa khẩu Tịnh Biên, Khánh Bình, Vĩnh Xương thực hiện duy tu, sửa chữa 05 năm/ 1 lần, tỷ lệ phần trăm (%) chi phí duy tu, sửa chữa công trình là 0,9% ( $0,18\% \times 5$ ) chi phí đầu tư sau khi trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Công trình	Tổng mức đầu tư	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Tổng vốn đầu tư sau khi trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng
1	Trạm Kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên	83.334	1.084	82.250
2	Trạm Kiểm soát liên hợp cửa khẩu Khánh Bình	122.171	13.067	109.104
3	Trạm Kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương	247.373	69.383	177.991
<b>TỔNG</b>		<b>452.878</b>	<b>83.534</b>	<b>369.345</b>

Chi phí duy tu, sửa chữa cho 03 cửa khẩu:

$$369.345 \text{ triệu đồng} \times 0,9\% = 3.324 \text{ triệu đồng/ 5 năm}$$

6.4. Số thu được để lại phục vụ cho công tác thu phí

Theo dự toán tổng doanh thu 03 cửa khẩu là: **1.770.111.000** đồng/năm; tổng chi phí 03 cửa khẩu là: **905.056.944** đồng/năm (bao gồm: chi lương và các khoản phụ cấp theo lương, chi dịch vụ).

Căn cứ Khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, nhằm đảm bảo chi phí vận hành trong công tác thu phí đạt hiệu quả cao thì tỷ lệ để lại phục vụ hoạt động của bộ phận thu phí là:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = (905.056.944 \text{ đồng} / 1.770.111.000 \text{ đồng}) \times 100 = 51,1\%$$

Do đó đề xuất:

+ Tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu để trang trải chi phí cho việc thu phí tại cửa khẩu là 50% số phí thu được cho đơn vị để sử dụng cho công tác quản lý, công tác phục vụ thu phí và chi phí dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, chi phí nghiệp vụ chuyên môn, v.v.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi; số tiền thu phí tại 03 cửa khẩu (Vĩnh Xương, Khánh Bình và Tịnh Biên) được để lại không đủ đảm bảo chi phí hoạt động cho bộ phận thu phí thì Ban Quản lý Khu kinh tế sẽ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại cho phù hợp.

+ Phần còn lại 50% nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với chi phí duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu do dự kiến 5 năm sẽ thực hiện duy tu, sửa chữa 1 lần nên khi phát sinh nhu cầu Ban Quản lý Khu kinh tế đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi đối với nguồn thu phí giai đoạn 5 năm, báo cáo UBND tỉnh xem xét cho chủ trương xử lý.

## **7. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí**

Nội dung Đề án được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý hiện hành, tham khảo mức thu của một số tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu trên cả nước và phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể trên địa bàn tỉnh. Do đó, các mức phí dự kiến đã nêu tại khoản 6.1 có thể nhận được sự đồng tình từ người dân. Bên cạnh đó, đời sống người dân ngày càng nâng cao và từng bước cải thiện nên việc nộp phí sẽ được thực hiện tốt.

## **8. Hiệu quả thu phí**

- Khi thực hiện thu phí, số thu này sẽ góp phần tạo nguồn thu ngân sách tỉnh và bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông tại khu vực cửa khẩu, rút ngắn thời gian vận chuyển, kéo theo chi phí logistic thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Góp phần giảm thiểu các vấn đề ô nhiễm môi trường do giảm được vấn nạn ùn tắc giao thông, xây dựng hình ảnh khu kinh tế cửa khẩu An Giang văn minh, hiện đại.

## **III. Tổ chức thực hiện**



Đề tổ chức thu phí hiệu quả, đảm bảo thu đúng, thu đủ và cải cách thủ tục hành chính, không ảnh hưởng đến thời gian làm thủ tục thông quan cửa khẩu, cần thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan sau đây:

### **1. Ban Quản lý Khu kinh tế**

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với cửa khẩu theo quy định hiện hành; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc thống nhất quản lý hành chính Nhà nước đối với các hoạt động tại các cửa khẩu thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang theo nguyên tắc là đầu mối giải quyết các công việc có liên quan.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các đơn vị tại cửa khẩu tổ chức thực hiện thu phí; lựa chọn địa điểm, bố trí nhân lực để tổ chức thu phí ngay sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý chặt chẽ nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ và nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý, khai thác, sửa chữa, duy tu, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật được giao; đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan tại các cửa khẩu.

Tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu hợp lý, phù hợp với thực tiễn và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện thu phí.

### **2. Cục Thuế**

Cục Thuế có trách nhiệm cấp phát, hướng dẫn sử dụng biên lai ấn chỉ thu phí và kê khai, nộp, quyết toán phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

### **3. Cục Hải quan**

Chỉ đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương và cửa khẩu quốc gia Khánh Bình hỗ trợ Ban Quản lý Khu kinh tế nắm số lượng, loại hình hàng hoá qua cửa khẩu, làm cơ sở cho việc thu phí của Ban Quản lý Khu kinh tế.

Kiểm soát chặt chẽ số lượng phương tiện vận tải, hàng hóa xuất nhập khẩu ra, vào cửa khẩu tại các bãi kiểm hóa (nếu có).

### **4. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng**

Chỉ đạo các đồn biên phòng cửa khẩu thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý biên giới cửa khẩu, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu hàng hóa thực hiện đúng theo quy định khi qua khu vực cửa khẩu; phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế bàn tổ chức triển khai thực hiện công tác thu phí.

Chủ trì phối hợp với các lực lượng có liên quan đảm bảo phương tiện vận tải dừng, đỗ đúng nơi quy định trước khi thực hiện các thủ tục kiểm soát thông quan.

### **5. Kho bạc Nhà nước tỉnh**

Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, Cục Thuế và các cơ quan liên quan tổ chức thu kịp thời, đúng quy định hiện hành; bố trí cán bộ nhân viên phối hợp với cán bộ thu phí để nộp tiền thu phí vào ngân sách nhà nước kịp thời.

## **6. Sở Tài chính**

Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng nguồn thu phí theo đúng quy định.

## **7. Công an tỉnh**

Chỉ đạo các lực lượng Công an của các huyện, thị xã có cửa khẩu phối hợp với các sở, ngành có liên quan tạo điều kiện cho phương tiện vận tải chở hàng đảm bảo an toàn, thuận lợi.

## **8. Sở Giao thông vận tải**

Phối hợp với Công an tỉnh tăng cường kiểm soát xe quá khổ, quá tải hạn chế hư hỏng cầu, đường đảm bảo an toàn giao thông. Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, kê cả các trục đường dẫn đến các cửa khẩu đảm bảo việc vận chuyển hàng hoá qua các cửa khẩu đi trên các tuyến đường thông suốt, thuận lợi.

## **9. Sở Nội vụ**

Hướng dẫn Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện các chế độ, chính sách về tiền lương đối với viên chức, người lao động thực hiện công tác thu phí tại khu vực biên giới theo quy định pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **10. Sở Ngoại vụ**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phổ biến, tuyên truyền chính sách thu phí đối với Campuchia.

## **11. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Căn cứ số thu của các cửa khẩu nộp ngân sách, hàng năm cân đối nguồn để đầu tư nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng cửa khẩu theo quy định.

## **12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có liên quan**

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh tại Cửa khẩu theo thẩm quyền.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài chính;
- TB và các PTB;
- Các phòng: QLĐT, QLDN;
- BQLCK: VX, TB, KB;
- Lưu: VT, QLĐT.

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thanh Cường**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định mức thu các loại phí, lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí và bãi bỏ quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.
2. Nghị quyết số 74/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
3. Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định thu phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Phí và lệ phí, thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
4. Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu quốc tế Hoa Lư.
5. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
6. Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
7. Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí trên địa bàn tỉnh Long An.
8. Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
9. Nghị quyết số 82/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
9. Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 quy định mức thu, quản lý sử dụng các khoản thu phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
10. Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng công trình

kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc.

11. Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về thực hiện thu, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lai Châu.